

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC-NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 8
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	16 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324240, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An 06 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi vốn điều lệ, trong đó lần thứ 06 vào ngày 7 tháng 9 năm 2018 do thay đổi vốn điều lệ.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 32, đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 02383.739.739

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Luru, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch	Ngày 30 tháng 12 năm 2016
Ông Lê Đình Hoan	Thành viên	Ngày 30 tháng 12 năm 2016
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên	Ngày 16 tháng 7 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Võ Thị Thìn	Trưởng ban	Ngày 16 tháng 7 năm 2022
Bà Lê Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 07 tháng 3 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên	Ngày 07 tháng 3 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 02 tháng 01 năm 2017
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	Ngày 23 tháng 4 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hoàng Văn Hải - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 9 tháng 5 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CH
H
AT
T
IGI

HL

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Hải

Ngày 25 tháng 10 năm 2022

Số: 2.0012/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 10 năm 2022, từ trang 9 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận*Hạn chế phạm vi soát xét*

Ngày 17 tháng 10 năm 2022, chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty (kiểm toán năm đầu tiên), do đó, chúng tôi đã không được chứng kiến việc kiểm kê thực tế tiền mặt, hàng tồn kho tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Chúng tôi chưa thực hiện được đầy đủ các thủ tục soát xét đối với số dư năm đầu tiên và số dư cuối kỳ, do chưa được cung cấp các tài liệu, bao gồm:

- (i) Sổ quỹ tiền mặt, tài liệu theo dõi của thủ kho, tài liệu, tài liệu kiểm kê hàng tồn kho và các tài liệu khác (nếu có) của Công ty để xem xét, đánh giá các kiểm soát nội bộ đối với tiền mặt và hàng tồn kho;
- (ii) Các tài liệu, hồ sơ kế toán liên quan đến chi phí trả trước dài hạn, gồm chi phí quản lý dự án giảm thất thoát, số dư tại 30/6/2022 là 376 triệu VND (số đầu năm: 1,47 tỷ VND, giá gốc 4,39 tỷ VND); và các chi phí cải tạo, nâng cấp tuyến ống, số dư tại 30/6/2022 là 22,73 tỷ VND (số đầu năm: 27,42 tỷ VND);
- (iii) Các tài liệu, hồ sơ kế toán liên quan đến khoản mục tài sản cố định khác với nội dung “Chi phí chạy thử, đào tạo và chi khác”, nguyên giá 4,23 tỷ VND;
- (iv) Các tài liệu, hồ sơ kế toán liên quan đến các khoản “Phải trả khác”, “Phải trả người bán”, “Trả trước cho nhà cung cấp” đã dư lâu ngày, số tiền lần lượt là 3,22 tỷ VND, 15,53 tỷ VND và 5,62 tỷ VND, trong đó một số khoản ứng trước cho nhà cung cấp đã quá hạn thực hiện hợp đồng, số tiền 2,44 tỷ VND.
- (v) Các biên bản đối chiếu số dư công nợ giữa Công ty với các nhà cung cấp và khách hàng tại ngày 30/6/2022 và 31/12/2021 hoặc các tài liệu, hồ sơ kế toán để thực hiện thủ tục thay thế, cũng như không thực hiện được thủ tục gửi thư xác nhận, bao gồm: Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải trả người bán ngắn hạn và Người mua trả tiền trước ngắn hạn với số dư tại ngày 30/6/2022 lần lượt là 23,1 tỷ VND, 31,5 tỷ VND và 8,9 tỷ VND; số đầu năm 9,5 tỷ VND, 24,3 tỷ VND và 1,1 tỷ VND (xem Thuyết minh V.4, V.12 và V.13 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

Hàng tồn kho, Tài sản cố định và Chi phí trả trước dài hạn

- Tại ngày 30/6/2022, hàng tồn kho của Công ty đang bao gồm một số loại nguyên vật liệu chậm luân chuyển, số tiền 9,039 tỷ VND. Chúng tôi chưa có cơ sở để đưa ra kết luận về việc liệu Công ty có cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các loại nguyên vật liệu này hay không.
- Công ty đang ghi nhận “Chi phí trả trước dài hạn” đối với một số tài sản đáp ứng tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định hữu hình (*).
- Công ty đã phá dỡ công trình văn phòng cũ để xây trụ sở 7 tầng mới, hoàn thành và đưa vào sử dụng từ cuối năm 2021, tuy nhiên Công ty chưa thực hiện ghi giảm và ngừng khấu hao tài sản cố định là trụ sở cũ, đồng thời, chưa ghi tăng tài sản cố định, chưa trích khấu hao đối với trụ sở mới theo nguyên giá tạm tính (*).

Chi phí phải trả, Dự phòng phải trả

- Tại ngày 30/6/2022, Công ty đang ghi nhận khoản chi phí nước thô phải trả Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam trên khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác”, số tiền 99,23 tỷ VND (Thuyết minh V.16 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính) và khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn”, số tiền 69,48 tỷ VND (Thuyết minh V.18 Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính). Giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam đang xảy ra tranh chấp liên quan đến việc áp dụng đơn giá nước và vụ việc đang được Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý. Chúng tôi không có đủ bằng chứng cần thiết để đưa ra kết luận về các số dư phải trả này, cũng như chi phí nước thô Công ty đã ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ, số tiền 15,36 tỷ VND.

Các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, vay

- Công ty đang ghi nhận khoản “Người mua trả tiền trước” của Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng huyện Hưng Nguyên, số tiền 7,53 tỷ VND, là khoản ứng trước theo Hợp đồng số 158/2020/HĐ-GPMB ngày 21/9/2020 về việc di dời hệ thống cấp nước đoạn qua địa bàn xã Hưng Đạo và xã Hưng Tây để phục vụ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2017-2020. Theo quy định hợp đồng, khi hoàn thành giai đoạn thi công, hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán, Ban quản lý sẽ thanh toán cho Công ty không quá 95% giá trị khối lượng hoàn thành. Thời hạn hoàn thành bàn giao theo thỏa thuận là 24/12/2020, mỗi ngày chậm hoàn thành công trình sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng. Đến ngày 30/11/2021, Ban quản lý đã thanh toán cho Công ty 94,8% giá trị hợp đồng. Căn cứ điều khoản hợp đồng, công việc đã bị trễ tiến độ hơn 18 tháng, tuy nhiên, chúng tôi chưa được cung cấp Biên bản làm việc hoặc thỏa thuận gia hạn giữa các bên. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đưa ra kết luận về việc liệu Công ty có phải chịu khoản phạt do chậm tiến độ hợp đồng hay không.
- Khoản mục “Phải thu khác” tại ngày 30/6/2022 có các số dư lâu ngày, gồm: (i) các khoản tạm ứng phát sinh trước năm 2022 nhưng chưa được hoàn ứng trong kỳ này, số tiền 3,4 tỷ VND; (ii) giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m² tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, số tiền 5,69 tỷ VND được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội đã bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An, đang làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để thống nhất phương án đền bù. Chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá tính hợp lý cũng như khả năng thu hồi các khoản phải thu này.
- Công ty chưa trích lập dự phòng đầy đủ đối với các khoản nợ phải thu lâu ngày, số dự phòng cần trích lập bổ sung theo ước tính của kiểm toán viên là 584 triệu VND (*).
- Công ty chưa trình bày khoản vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 30/6/2022, số tiền: 13,29 tỷ VND (*).

Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Công ty đang ghi nhận vào chi tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” một số khoản chi phí phục vụ hoạt động cấp nước, chi tư vấn pháp lý, chi hỗ trợ kỹ thuật xây dựng phần mềm lập phiếu đề nghị mua vật tư và nhập kho, tổng số tiền 1,36 tỷ VND. Hồ sơ thanh toán không thể hiện đầy đủ đối tượng thụ hưởng, kết quả công việc tư vấn pháp lý, kết quả hỗ trợ phần mềm..., do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về tính phát sinh của các chi phí này.
- Một số khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh năm 2021 đang được ghi nhận vào kết quả kinh doanh kỳ này, số tiền 1,096 tỷ VND (*).

(*) Ảnh hưởng được trình bày tại Phụ lục kèm theo.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

PHỤ LỤC BÁO CÁO KIỂM TOÁN: ẢNH HƯỞNG CÁC SAI SÓT CHƯA ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH

Đơn vị tính: VND

S T T	Nội dung	Ảnh hưởng				
		Tài sản	Nợ phải trả	Nguồn vốn	Kết quả kinh doanh	
					Thu nhập	Chi phí
1	Phân loại lại các tài sản đáp ứng tiêu chuẩn TSCĐ hữu hình (Công ty đang ghi nhận "Chi phí trả trước dài hạn")					
	Tăng "TSCĐ hữu hình"	2.042.142.819				
	Giảm "Chi phí trả trước dài hạn"	(2.042.142.819)				
2	Ghi giảm các TSCĐ đã phá dỡ để xây mới (gồm Hội trường lớn, nhà văn phòng, nhà đa năng, nhà làm việc XN xây lắp)					
	Giảm "Nguyên giá"	(7.411.491.808)				
	Giảm "Hao mòn lũy kế" và Tăng "Chi phí khác"	5.525.106.884				1.886.384.924
	Giảm "Hao mòn lũy kế" và "Chi phí quản lý doanh nghiệp"	126.000.330				(126.000.330)
	Ghi tăng TSCĐ mới và khấu hao bổ sung	14.347.948.946	2.825.020.475			
	Giảm "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang"	(11.522.928.471)				
	Khấu hao bổ sung	(368.131.504)				368.131.504
3	Dự phòng nợ phải thu khó đòi (TK 131, 138)	(584.280.865)				584.280.865
4	Phân loại vay dài hạn đến hạn trả tại 30/6/2022					
	Tăng "Vay ngắn hạn"	13.292.633.778				
	Giảm "Vay dài hạn"	(13.292.633.778)				
5	Điều chỉnh giảm các khoản chi phí ghi nhận sai niên độ, chi phí chưa đủ căn cứ ghi nhận	-	500.000.000	(1.096.363.636)		(596.363.636)
	CỘNG	112.223.512	3.325.020.475	(1.096.363.636)		2.116.433.327

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		306.322.042.857	313.646.233.255
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	89.611.144.820	62.538.512.710
1. Tiền	111		63.983.102.935	21.475.602.582
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.628.041.885	41.062.910.128
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		122.438.128.624	130.715.667.416
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	122.438.128.624	130.715.667.416
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.161.644.672	66.495.841.739
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	19.761.228.183	17.624.477.232
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	24.414.099.531	37.810.285.729
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	16.552.056.774	27.626.818.594
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(16.565.739.816)	(16.565.739.816)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		44.773.083.492	49.410.100.784
1. Hàng tồn kho	141	V.7	44.773.083.492	49.410.100.784
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.338.041.249	4.486.110.606
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.338.041.249	4.484.110.606
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	2.000.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		560.306.776.749	534.532.746.853
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		500.000.000	500.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	500.000.000	500.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		486.027.436.822	453.905.068.615
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	485.902.708.676	453.768.085.151
<i>Nguyên giá</i>	222		1.139.215.028.300	1.081.464.145.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(653.312.319.624)	(627.696.060.151)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	124.728.146	136.983.464
<i>Nguyên giá</i>	228		518.800.000	518.800.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(394.071.854)	(381.816.536)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	22.672.314.792	34.873.530.716
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.672.314.792	34.873.530.716
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.426.516.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	12.426.516.000	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38.680.509.135	45.254.147.522
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	38.680.509.135	45.254.147.522
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		866.628.819.606	848.178.980.108

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		488.882.890.337	472.610.391.642
I. Nợ ngắn hạn	310		282.882.986.909	266.610.488.214
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	62.639.355.470	41.019.410.526
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	10.637.984.064	10.098.258.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	899.052.263	444.276.984
4. Phải trả người lao động	314		4.437.359.700	13.941.657.129
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2.575.486.058	2.669.003.592
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	105.589.845.707	104.916.905.652
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	25.448.198.543	38.740.832.321
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	69.489.162.843	54.128.896.298
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	1.166.542.261	651.247.223
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		205.999.903.428	205.999.903.428
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	205.999.903.428	205.999.903.428
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)


NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		377.745.929.269	375.568.588.465
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	377.745.929.269	375.568.588.465
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		373.859.830.000	373.859.830.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.193.463.427	387.191.996
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.692.635.842	1.321.566.469
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	1.321.566.469
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.692.635.842	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		866.628.819.606	848.178.980.108

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

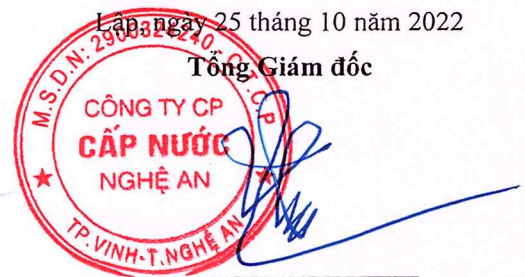
Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Lập ngày 25 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	132.573.073.448	132.628.577.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		8.019.047	2.552.476
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		132.565.054.401	132.626.025.456
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	100.891.004.775	108.424.537.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31.674.049.626	24.201.487.690
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.545.285.099	2.962.882.558
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.491.793.736	6.033.790.512
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.491.784.289	6.033.790.512
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.776.690.153	7.197.544.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	18.098.629.065	14.081.598.060
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.852.221.771	(148.562.759)
11. Thu nhập khác	31		529.646.632	735.003.017
12. Chi phí khác	32		15.285.290	5.901.068
13. Lợi nhuận khác	40		514.361.342	729.101.949
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.366.583.113	580.539.190
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	673.947.271	116.286.509
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>2.692.635.842</u>	<u>464.252.681</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>40</u>	<u>7</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>40</u>	<u>7</u>

Người lập biểu

Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		148.466.611.333	150.479.831.867
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(45.757.584.438)	(86.137.380.193)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(35.659.880.245)	(28.249.427.526)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.613.202.655)	(5.040.817)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(136.945.952)	(253.154.470)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.550.235.319	187.508.417
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23.897.013.623)	(6.539.052.276)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.952.219.739	29.483.285.002
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(9.784.526.359)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.604.120.196	10.558.147.038
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		593.452.312	672.506.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.413.046.149	(8.769.346.170)

bl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(13.292.633.778)	(13.328.925.860)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(13.292.633.778)	(13.328.925.860)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		27.072.632.110	7.385.012.972
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	62.538.512.710	68.223.331.694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	89.611.144.820	75.608.344.666

Người lập biểu

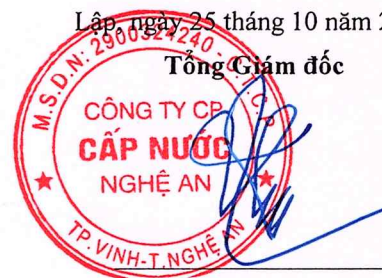
Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng

Trần Thị Lan Anh

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2022

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước (Khai thác nước thô; sản xuất, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; sản xuất kinh doanh nước đóng chai).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Công ty	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Xây lắp chống thất thoát	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Dịch vụ cấp nước Thành phố Vinh	Số 32, đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Xí nghiệp Sản xuất nước Thành phố Vinh	Số 115, đường Nguyễn Sinh Sắc thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Nam Đàn	Khối Tây Hồ, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Đô Lương	Xóm 7, xã Đông Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Anh Sơn	Khối 5, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Con Cuông	Khối 4, thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tân Kỳ	Xóm 1 Thanh Tân, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Thanh Chương	Khối 6, thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Châu	Khối 2A, thị trấn Tân Lạc, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Quỳnh Hợp	Khối 13, thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Tương Dương	Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Trạm cấp nước Kỳ Sơn	Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 484 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 474 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch nợ phải trả bằng ngoại tệ được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản vay có gốc ngoại tệ tại ngày kết kỳ kế toán được xác định theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng có số dư vay gốc ngoại tệ.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

hl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 39
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 24
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 6
Tài sản cố định khác	13

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 12 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán nước sạch

Doanh thu bán nước sạch được ghi nhận căn cứ khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước đo được của các khách hàng và biểu giá do Công ty ban hành từng thời kỳ, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.678.242.241	1.472.777.118
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	62.304.860.694	20.002.825.464
Các khoản tương đương tiền	25.628.041.885	41.062.910.128
Cộng	<u>89.611.144.820</u>	<u>62.538.512.710</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng, lãi suất từ 3,7% đến 5%, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

hl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Ngày 26/8/2021, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Quyết định số 21/QĐ-HĐQT về việc mua cổ phần đấu giá công khai của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An, số lượng cổ phần tham gia đấu giá 793.917 cổ phần. Theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 20/9/2021 về việc chấp thuận kết quả mua cổ phiếu đấu giá công khai của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An, số lượng cổ phần trúng đấu giá là 345.181 cổ phần, giá mua 36.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị trúng đấu giá 12.426.516.000 VND.

Tại ngày 30/6/2022, Công ty sở hữu 345.181 cổ phần, tương đương 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (Tại ngày 01/01/2022, Công ty theo dõi khoản đầu tư này tại khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" (xem Thuyết minh V.5a)).

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tổng Công ty Chè Nghệ An (mã: CNA, sàn UPCOM) không có giao dịch trong 30 phiên gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán, do đó, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của CNA để xem xét trích lập dự phòng. Theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất, tại ngày 31/12/2021, CNA có lỗ lũy kế 2.819.036.405 VND. Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng theo Báo cáo tài chính này.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân xã Thanh Tường	1.309.272.998	1.309.272.998
Công trình Hồ Bá Hạp	2.197.138.000	2.197.138.000
BQL dự án chương trình 134 - huyện Con Cuông	1.004.529.000	1.004.529.000
BQL dự án Đầu tư xây dựng cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	3.069.641.000
Ủy ban nhân dân xã Nghi Kim- Nghi Lộc	1.554.035.000	1.554.035.000
Các khách hàng khác	10.626.612.185	8.489.861.234
Cộng	19.761.228.183	17.624.477.232

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Khánh Hòa	2.381.266.700	6.714.294.700
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Thanh Hóa	1.361.670.000	1.081.670.000
Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ CDT	2.949.000.000	2.949.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Dũng Thủy	1.755.670.000	2.039.670.000
Công ty TNHH TK Cộng	-	15.832.597.000
Các nhà cung cấp khác	15.966.492.831	9.193.054.029
Cộng(*)	24.414.099.531	37.810.285.729

(*) Trong đó:

- Số đã đối chiếu, xác nhận	107.000.000	27.093.220.650
- Số chưa đối chiếu, xác nhận	23.131.100.367	9.541.065.915
- Số dư lâu ngày	5.620.195.945	5.620.195.945

hcl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.178.029.247	-	2.024.033.892	-
Tạm ứng	8.273.604.259	(616.038.012)	7.012.172.601	(616.038.012)
Tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Tổng Công ty chè Nghệ An ⁽ⁱ⁾	-	-	12.426.516.000	-
Quyền sử dụng đất bị thu hồi theo Quyết định 297/QĐ-UBND ⁽ⁱⁱ⁾	5.690.610.000	-	5.690.610.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	409.813.268	(317.132.368)	473.486.101	(317.132.368)
Cộng	16.552.056.774	(933.170.480)	27.626.818.594	(933.170.480)

⁽ⁱ⁾ Xem thuyết minh V.2b.

⁽ⁱⁱ⁾ Giá trị quyền sử dụng đất 1.218,4 m² tại phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được Công ty sử dụng để xây dựng dự án khu nhà ở xã hội đã bị thu hồi theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An. Hiện tại, Công ty đang làm việc với UBND tỉnh Nghệ An để thống nhất phương án đền bù.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

Các khoản nợ xấu sau đây đều có thời gian quá hạn trên 3 năm và đã trích lập 100%.

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng	14.456.570.172	(14.456.570.172)	14.456.570.172	(14.456.570.172)
UBND xã Thanh Trường	1.309.272.998	(1.309.272.998)	1.309.272.998	(1.309.272.998)
Công trình Hồ Bá Hạp	2.197.138.000	(2.197.138.000)	2.197.138.000	(2.197.138.000)
Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Đôn Phục, Con Cuông	704.000.000	(704.000.000)	704.000.000	(704.000.000)
Ban quản lý dự án chương trình 134 - huyện Con Cuông	1.004.529.000	(1.004.529.000)	1.004.529.000	(1.004.529.000)
Ban quản lý dự án ĐTXD cơ bản huyện Quế Phong	3.069.641.000	(3.069.641.000)	3.069.641.000	(3.069.641.000)
UBND Thị trấn Quán Hành	768.819.000	(768.819.000)	768.819.000	(768.819.000)
UBND xã Nghi Kim - Nghi Lộc	1.554.035.000	(1.554.035.000)	1.554.035.000	(1.554.035.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	3.849.135.174	(3.849.135.174)	3.849.135.174	(3.849.135.174)
Các khoản phải thu khác	933.170.480	(933.170.480)	933.170.480	(933.170.480)
Hồ Thị Liên	302.237.000	(302.237.000)	302.237.000	(302.237.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	630.933.480	(630.933.480)	435.454.480	(435.454.480)
Trả trước cho người bán	1.175.999.164	(1.175.999.164)	1.175.999.164	(1.175.999.164)
Công ty Cổ phần xây dựng & Thương mại Đại Hùng	311.700.000	(311.700.000)	311.700.000	(311.700.000)
Ban quản lý dự án cấp nước vùng phụ cận Thành phố Vinh	214.239.329	(214.239.329)	214.239.329	(214.239.329)
Sở Tài chính Nghệ An	309.668.000	(309.668.000)	309.668.000	(309.668.000)
Các tổ chức và cá nhân khác	340.391.835	(340.391.835)	340.391.835	(340.391.835)
Cộng	16.565.739.816	(16.565.739.816)	16.565.739.816	(16.565.739.816)

Công ty không phát sinh trích lập/ hoàn nhập nợ phải thu khó đòi trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	34.975.061.997	-	44.202.828.534	-
Công cụ, dụng cụ	5.207.448.992	-	5.181.057.020	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.590.572.503	-	26.215.230	-
<i>Trong đó: Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Hưng Nguyên (xem thuyết minh V.13)</i>	<i>4.564.357.273</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng^(*)	44.773.083.492	-	49.410.100.784	-

(*) Trong đó, tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, một số loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn từ đầu năm nhưng chưa xuất dùng là 9.039.625.129 VND. Ban điều hành Công ty đánh giá các nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ này được bảo quản ở tình trạng tốt, đảm bảo chất lượng để sử dụng trong các kỳ tới, do đó, không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.080.661.114	3.359.778.078
Chi phí sửa chữa TSCĐ	35.223.818.173	40.343.648.206
Chi phí quản lý dự án của dự án giảm thất thoát	376.029.848	1.474.471.232
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	76.250.006
Cộng	38.680.509.135	45.254.147.522

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	506.374.334.220	109.699.624.657	460.577.542.341	572.975.000	4.239.669.084	1.081.464.145.302
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Đầu tư XDCB hoàn thành	55.923.689.867	-	1.827.193.131	-	-	57.750.882.998
Số cuối kỳ	562.298.024.087	109.699.624.657	462.404.735.472	572.975.000	4.239.669.084	1.139.215.028.300
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	19.406.757.664	100.111.768.278	7.502.933.296	362.975.000	-	127.384.434.238
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	230.868.640.982	105.949.568.783	287.101.362.170	526.474.984	3.250.013.232	627.696.060.151
Khấu hao trong kỳ	12.721.157.379	708.674.228	11.979.091.092	37.750.008	169.586.766	25.616.259.473
Số cuối kỳ	243.463.798.031	106.658.243.011	299.080.453.262	564.224.992	3.419.599.998	653.312.319.624
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	275.505.693.238	3.750.055.874	173.476.180.171	46.500.016	989.655.852	453.768.085.151
Số cuối kỳ	318.708.225.726	3.041.381.646	163.324.282.210	8.750.008	820.069.086	485.902.708.676
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	518.800.000	(381.816.536)	136.983.464
Mua sắm trong kỳ	-	-	-
Khấu hao trong kỳ	-	(12.255.318)	(12.255.318)
Số cuối kỳ	518.800.000	(394.071.854)	124.728.146

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	230.800.000	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển chi phí trả trước	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	707.808.228	(707.808.228)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	34.873.530.716	58.246.856.621	(58.048.982.249)	(12.399.090.296)	22.672.314.792
Dự án xây dựng, cải tạo Nhà máy nước Hưng Nguyên	14.363.943.503	29.795.748.182	(44.159.691.685)	-	-
Dự án sửa chữa bể chứa nước sạch Nhà máy nước Hưng Nguyên	10.804.164.546	959.833.636	(11.763.998.182)	-	-
Dự án Trụ sở văn phòng công ty 7 tầng	8.746.868.421	2.776.060.050	-	-	11.522.928.471
Thì công tuyến ống gang DN500- Nguyễn Sỹ Sách	-	2.156.829.855	-	-	2.156.829.855
Cải tạo nâng cấp tuyến ống gang đường Trần Hưng Đạo và đường Trường Chinh BGK 545	-	4.807.805.301	-	-	4.807.805.301
Lắp đặt tuyến ống gang DN400 phía đông đường Nguyễn Thị Minh Khai, P.Hưng Bình, TP. Vinh	-	2.598.048.536	-	-	2.598.048.536
Các công trình khác	958.554.246	15.152.531.061	(2.125.292.382)	(12.399.090.296)	1.586.702.629
Cộng	34.873.530.716	58.246.856.621	(58.048.982.249)	(12.399.090.296)	22.672.314.792

dl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hà Huy	4.080.578.000	4.080.578.000
Dự án hồ lãg bùn Hưng Vĩnh	2.574.854.000	2.574.854.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Đông Đô	2.175.045.270	1.081.975.870
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mỹ Phát	2.572.314.600	2.379.155.600
Công ty TNHH XNK và Đầu tư Phương Thủy	3.625.678.562	3.744.216.719
Công ty TNHH TK Cộng	16.942.726.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Lộc Toàn	2.168.852.715	1.693.967.463
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Hạ tầng Đô Thị Vinh	9.317.618.590	7.764.001.327
Các nhà cung cấp khác	19.181.687.733	17.700.661.547
Cộng	<u>62.639.355.470</u>	<u>41.019.410.526</u>
<i>(*) Trong đó:</i>		
- Số đã đối chiếu, xác nhận	31.095.561.490	16.716.762.780
- Số chưa đối chiếu, xác nhận	31.543.793.980	24.302.647.746
- Số dư lâu ngày	15.534.628.303	15.534.628.303

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Hưng Nguyên ⁽ⁱ⁾	7.535.000.000	7.535.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đức Hậu	354.242.000	354.242.000
Các khách hàng khác	2.748.742.064	2.209.016.489
Cộng ⁽ⁱⁱ⁾	<u>10.637.984.064</u>	<u>10.098.258.489</u>
<i>(iii) Trong đó:</i>		
- Số đã đối chiếu, xác nhận	642.111.000	8.261.313.000
- Số chưa đối chiếu, xác nhận	8.980.285.762	1.186.862.859

⁽ⁱ⁾ Ứng trước theo Hợp đồng số 158/2020/HĐ-GPMB ngày 21/9/2020 về việc Di dời hệ thống cấp nước đoạn qua địa bàn xã Hưng Đạo và xã Hưng Tây để phục vụ giải phóng mặt bằng phục vụ thi công dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2017-2020. Theo quy định hợp đồng, khi hoàn thành giai đoạn thi công, hai bên sẽ tổ chức nghiệm thu và lập hồ sơ thanh toán, Ban quản lý sẽ thanh toán cho Công ty không quá 95% giá trị khối lượng hoàn thành. Thời hạn hoàn thành bàn giao theo thỏa thuận là 24/12/2020, mỗi ngày chậm hoàn thành công trình sẽ bị phạt 0,1% giá trị hợp đồng. Hiện tại, Ban quản lý đã thanh toán cho Công ty 94,8% giá trị hợp đồng. Các bên chưa có Biên bản làm việc hoặc thỏa thuận gia hạn về việc nghiệm thu, phạt chậm tiến độ (nếu có).

22/12/2022
P. H.

del

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.368.759	-	673.947.271	(136.945.952)	569.370.078
Thuế thu nhập cá nhân	63.672.833	-	-	(63.672.833)	-
Thuế tài nguyên	35.040.310	-	57.060.130	(81.608.650)	10.491.790
Thuế nhà đất	-	-	28.346.380	(28.346.380)	-
Tiền thuê đất	-	-	107.311.000	(107.311.000)	-
Thuế bảo vệ môi trường	313.195.082	-	1.836.520.483	(1.830.525.170)	319.190.395
Các loại thuế khác	-	2.000.000	105.191.421	(103.191.421)	-
Cộng	444.276.984	2.000.000	2.808.376.685	(2.351.601.406)	899.052.263

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp nước sạch	5%
- Các dịch vụ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.366.583.113	580.539.190
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.153.242	893.357
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.153.242	893.357
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	3.369.736.355	581.432.547
Thu nhập tính thuế	3.369.736.355	581.432.547
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	673.947.271	116.286.509

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác khoáng sản như sau:

Khoáng sản	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất
- Nước mặt	2.000 VND/m ³	1%
- Nước dưới đất (nước ngầm)	5.000 VND/m ³	5%

hl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Theo thông báo số 1475/TB-CT ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 145.195,9 m² đang sử dụng tại số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An số tiền 1.196.228.000 VND được miễn giảm 1.088.917.000 VND. Số tiền còn phải nộp trong năm 2022 là 107.311.000 VND.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	1.965.941.782	2.087.360.148
Chi phí dịch vụ môi trường rừng	368.124.276	336.403.444
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	241.420.000	245.240.000
Cộng	2.575.486.058	2.669.003.592

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	199.352.842	203.437.742
Bảo hiểm xã hội	611.733.150	60.102.152
Phải trả về cổ phần hóa	14.300.000	14.300.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	373.093.622	324.215.770
Phải trả liên doanh Vatech Wabag Wassenco	377.466.458	377.466.458
Phải trả liên doanh Yietc constrexim Holdings	256.204.277	256.204.277
Phải trả ông Phan Văn Quế tiền vay vốn	1.100.592.274	1.100.592.274
Phải trả phí bảo vệ môi trường	326.777.893	731.859.613
Phải trả phí thoát nước	201.216.348	213.283.489
Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam ⁽ⁱ⁾	99.239.825.685	99.239.825.685
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.889.283.158	2.395.618.192
Cộng ⁽ⁱⁱ⁾	105.589.845.707	104.916.905.652

⁽ⁱ⁾ Xem Thuyết minh V.18.

⁽ⁱⁱ⁾ Trong đó, các số dư phải trả khác lâu ngày chưa tất toán, chưa đối chiếu, xác nhận được là 3.220.422.522 VND.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh London ⁽ⁱ⁾	12.155.564.765	12.155.564.765
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	13.292.633.778	26.585.267.556
Vay Bộ Tài chính Dự án Vinh	4.776.046.502	9.552.093.004
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An Dự án Phụ cận Vinh	8.516.587.276	17.033.174.552
Cộng	25.448.198.543	38.740.832.321

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng Shinhan Chi nhánh London theo các tài khoản tái cấp vốn, qua hồ sơ thu phí của Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi nhánh Vinh với số tiền vay bằng ngoại tệ, số tiền 527.928,98 USD để trả tiền mua ống gang và phụ kiện nhập khẩu, kỳ hạn 360 ngày, lãi suất 2,5%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.155.564.765	-	-	-	12.155.564.765
Vay dài hạn đến hạn trả	26.585.267.556	-	-	(13.292.633.778)	13.292.633.778
Cộng	38.740.832.321	-	-	(13.292.633.778)	25.448.198.543

17b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay Bộ Tài chính Dự án Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	42.835.016.003	42.835.016.003
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An Dự án Phụ cận Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	161.815.158.260	161.815.158.260
Vay Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam Nghệ An Dự án giảm thất thoát nước ^(iv)	1.349.729.165	1.349.729.165
Cộng	205.999.903.428	205.999.903.428

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (ii) Khoản vay theo Hiệp định vay phụ ngày 28/8/1997 giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp thoát nước tỉnh Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An); Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/4/2008.
- (iii) Hợp đồng vay vốn ODA số 63/2011/HĐODA-NHPTVN ngày 27/9/2011 giữa Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An phục vụ cho Dự án: Hệ thống cấp nước vùng phụ cận thành phố Vinh, mỗi năm trả nợ và lãi 2 kỳ vào ngày 15/6 và ngày 15/12 hàng năm; Tổng số vốn vay theo Hợp đồng là 10.272.000 EUR; đồng tiền vay và nhận nợ là đồng Việt Nam; Chênh lệch tỷ giá hàng năm Công ty ghi nhận tăng thêm dư nợ gốc vay; Lãi suất cho vay lại: 70% tổng số vốn vay áp dụng lãi suất là 3,2%/năm tính trên số dư nợ và 30% tổng số vốn vay còn lại áp dụng mức lãi suất là 5,3%/năm trên số dư nợ. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay Chính phủ Phần Lan.
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng vay phụ ngày 09/07/2013 giữa Bộ Tài Chính và Công ty TNHH MTV Cấp nước Nghệ An (nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An) về việc sử dụng khoản vay số 2691 VIE và khoản vay số 3251 vay vốn OCR của ngân hàng ADB. Số dư tại thời điểm 31/12/2021 là phí cam kết khoản vay phải trả 1.349.729.165 VND. Đến thời điểm 31/12/2021 khoản vay chưa được giải ngân, đồng thời Công ty đang trình Bộ Tài chính xin hủy khoản vay này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	13.292.633.778	26.585.267.556
Trên 1 năm đến 5 năm	120.834.030.652	107.690.799.368
Trên 5 năm	85.165.872.776	98.309.104.060
Cộng	<u>219.292.537.206</u>	<u>232.585.170.984</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	205.999.903.428	232.621.463.066
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	-	-
Số tiền vay đã trả	-	(36.292.082)
Số cuối kỳ	<u>205.999.903.428</u>	<u>232.585.170.984</u>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải trả chi phí nước thô	69.489.162.843	54.128.896.298

(*) Khoản chi phí mua nước thô từ ngày 01/02/2021 đến ngày 30/6/2022 phải trả được Công ty trình bày tại khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn”, xác định trên cơ sở lượng nước thô cấp cho sản xuất và đơn giá nước thô 1.950 VND/m³. Đơn giá này được nêu trong Quyết định 41/2018/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 của UBND tỉnh Nghệ An quy định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị do Công ty Cổ phần Cấp nước Nghệ An sản xuất (trong đó, ghi rõ chi phí nước thô đầu vào được cơ cấu trong giá tiêu thụ sản phẩm nước sạch là 1.950 VND/m³).

Khoản chi phí mua nước thô từ ngày 31/01/2021 về trước phải trả được Công ty trình bày tại khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác”, số tiền 99.239.825.685 VND (xem Thuyết minh V.16), đơn giá 1.950 VND/m³ trên cơ sở Hợp đồng cung cấp nước thô số 04/2015/HĐ-MBNT ngày 04/02/2015 với Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam. Theo quan điểm của Ban lãnh đạo Công ty, Hợp đồng này dựa trên Thỏa thuận thực hiện cấp nước thô ký giữa UBND Tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam đã bị hủy bỏ nên Hợp đồng cũng không còn hiệu lực và hai bên cần đàm phán ký kết lại Hợp đồng mới. Sau nhiều lần hai bên làm việc không có kết quả, Công ty đã có Văn bản số 15/CNNA-KH ngày 18/01/2021 gửi Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam về việc đề nghị mua nước thô với mức giá hợp lý hơn (630 VND/m³). Công ty TNHH MTV Cấp nước Sông Lam không đồng ý với mức giá này và đã khởi kiện vụ việc này ra Tòa án. Hiện Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đang thụ lý vụ kiện và vẫn chưa có phán quyết cuối cùng.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	612.426.665	515.295.038	-	1.127.721.703
Quỹ phúc lợi	38.536.231	-	-	38.536.231
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	284.327	-	-	284.327
Cộng	<u>651.247.223</u>	<u>515.295.038</u>	<u>-</u>	<u>1.166.542.261</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	373.859.830.000	-	880.451.831	374.740.281.831
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	464.252.681	464.252.681
Trích lập các quỹ	-	387.191.996	(703.985.447)	(316.793.451)
Số dư cuối kỳ trước	373.859.830.000	387.191.996	640.719.065	374.887.741.061
Số đầu năm	373.859.830.000	387.191.996	1.321.566.469	375.568.588.465
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	2.692.635.842	2.692.635.842
Trích lập các quỹ	-	806.271.431	(1.321.566.469)	(515.295.038)
Số dư cuối kỳ này	373.859.830.000	1.193.463.427	2.692.635.842	377.745.929.269

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
UBND tỉnh Nghệ An	142.278.360.000	142.278.360.000
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	103.419.400.000	103.419.400.000
Cổ đông khác	128.162.070.000	128.162.070.000
Cộng	373.859.830.000	373.859.830.000

20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	37.385.983	37.385.983
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	37.385.983	37.385.983

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01 ngày 29 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 806.271.431
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 515.295.038

hcl

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu kinh doanh nước sạch	129.892.589.377	129.111.034.857
Doanh thu hoạt động lắp đặt, xây lắp	2.056.660.456	2.909.067.904
Doanh thu khác	623.823.615	608.475.171
Cộng	132.573.073.448	132.628.577.932

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn kinh doanh nước sạch	99.558.243.100	107.395.178.062
Giá vốn hoạt động lắp đặt, xây lắp	1.332.761.675	1.029.359.704
Cộng	100.891.004.775	108.424.537.766

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.074.029.071	2.524.204.254
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	471.256.028	438.678.304
Cộng	3.545.285.099	2.962.882.558

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.491.784.289	6.033.790.512
Chi phí tài chính khác	9.447	-
Cộng	5.491.793.736	6.033.790.512

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.714.042.635	5.775.306.400
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.300.717.317	666.019.382
Chi phí dịch vụ mua ngoài	360.000.000	360.000.000
Các chi phí khác	401.930.201	396.218.653
Cộng	8.776.690.153	7.197.544.435

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.657.075.900	9.250.188.500
Chi phí đồ dùng văn phòng	641.867.805	161.480.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.517.220	140.767.212
Thuế, phí và lệ phí	240.848.801	141.875.586
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.820.891.589	2.153.620.445
Các chi phí khác	3.595.427.750	2.233.666.254
Cộng	18.098.629.065	14.081.598.060

7. Lãi trên cổ phiếu

7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.692.635.842	464.252.681
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.211.686.129)	(208.913.707)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>(1.211.686.129)</i>	<i>(208.913.707)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.480.949.713	255.338.974
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	37.385.983	37.385.983
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	40	7

Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ trước được tính toán lại do xác định lại quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ 45% Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 01 ngày 29 tháng 4 năm 2022. Lãi cơ bản trên cổ phiếu kỳ này được tính trên cơ sở trừ số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng tỷ lệ trích của năm 2021.

7b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.997.505.617	38.419.187.389
Chi phí nhân công	32.138.235.690	25.522.457.918
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.628.514.791	25.754.938.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.252.862.885	34.495.268.180
Chi phí khác	4.749.205.010	5.520.828.714
Cộng	127.766.323.993	129.712.680.261

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này	Chức vụ	Tiền lương	Thù lao	Thưởng	Cộng thu nhập
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	-	60.000.000	50.000.000	110.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	30.000.000
Ông Lê Đình Hoan	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	201.242.000	15.000.000	50.000.000	266.242.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Trưởng BKS	-	12.000.000	10.000.000	22.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS	-	12.000.000	10.000.000	22.000.000
Bà Võ Thị Thìn	Thành viên BKS	87.149.000	-	20.000.000	107.149.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	240.067.000	-	50.000.000	290.067.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	222.355.000	-	50.000.000	272.355.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	109.349.000	-	20.000.000	129.349.000
Cộng		860.162.000	129.000.000	260.000.000	1.249.162.000
Kỳ trước					
Ông Nguyễn Bá Quý	Chủ tịch HĐQT	11.000.000	60.000.000	50.000.000	121.000.000
Ông Trịnh Văn Thắng	Thành viên HĐQT	-	5.129.000	-	5.129.000
Ông Lê Đình Hoan	Phó Tổng Giám đốc /Thành viên HĐQT	173.187.000	15.000.000	50.000.000	238.187.000
Bà Lê Thị Kim Oanh	Trưởng BKS	3.000.000	12.000.000	10.000.000	25.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngân	Thành viên BKS	3.000.000	12.000.000	10.000.000	25.000.000
Bà Võ Thị Thìn	Thành viên BKS	129.549.000	-	20.000.000	149.549.000
Ông Hoàng Văn Hải	Tổng Giám đốc	247.394.000	12.871.000	50.000.000	310.265.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Phó Tổng Giám đốc	197.276.000	-	50.000.000	247.276.000
Bà Trần Thị Lan Anh	Kế toán trưởng	140.329.000	-	20.000.000	160.329.000
Cộng		904.735.000	117.000.000	260.000.000	1.281.735.000

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
UBND tỉnh Nghệ An	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Mía đường Sông Con	Cổ đông lớn

Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 32 đường Phan Đăng Lưu, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 25 tháng 10 năm 2022

Người lập biểu



Hoàng Việt Nga

Kế toán trưởng



Trần Thị Lan Anh

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Hải

